

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm sau khi HSBC nhận định thách thức cho Việt Nam chủ yếu nằm ở ngành da giày, dệt may do Đông Nam Bộ là đầu mối sản xuất quan trọng của thế giới nhưng bị gián đoạn mạnh

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL đồng loạt giảm điểm, tương đồng với diễn biến của chỉ số VN30.

[Thông tin doanh nghiệp]

FRT, CLL

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tiếp tục duy trì vị thế trung hạn và linh hoạt áp dụng chiến lược trading 2 chiều cho 1 phần nhỏ tỷ trọng, mua khi chỉ số giảm về hỗ trợ - bán khi chỉ số tăng chạm kháng cự.

13/09/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,341.43	-0.29
VN30	1,444.99	-0.23
HĐTL VN30	1,442.00	-0.35
HNXIndex	349.05	-0.29
HNX30	577.64	-1.81
UPCoM	95.26	-0.16
USD/VND	22,761	-0.01
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.05	-1
Lãi suất qua đêm (%)	0.63	+7
Dầu (WTI, \$)	70.30	+0.83
Vàng (LME, \$)	1,790.20	+0.15



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,341.43 (-0.29%)
KLGD (triệu CP) 775.5 (+46.1%)
GTGD (triệu US\$) 1,015.3 (+20.1%)

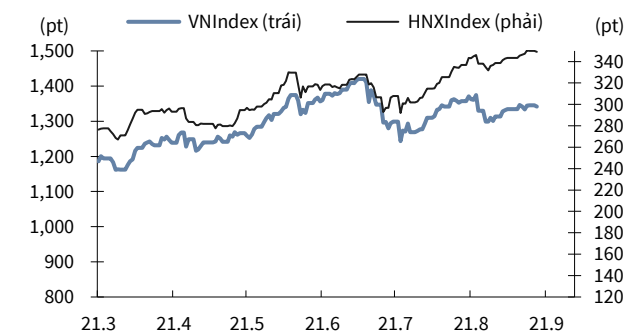
HNXIndex 349.05 (-0.29%)
KLGD (triệu CP) 183.6 (+24.0%)
GTGD (triệu US\$) 149.0 (+42.9%)

UPCoM 95.26 (-0.16%)
KLGD (triệu CP) 117.9 (-27.1%)
GTGD (triệu US\$) 90.6 (+13.2%)

NDTNN mua ròng (triệu US\$) -12.7

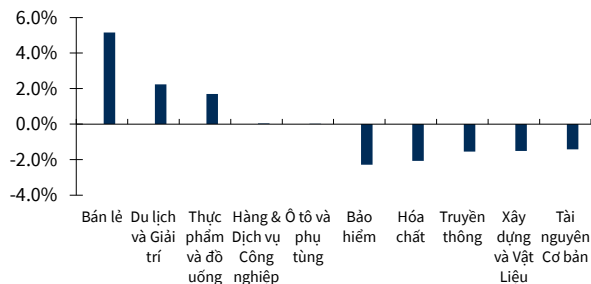
TTCK Việt Nam giảm điểm sau khi HSBC nhận định thách thức cho Việt Nam chủ yếu nằm ở ngành da giày, dệt may do Đông Nam Bộ là đầu mối sản xuất quan trọng của thế giới nhưng bị gián đoạn mạnh. Hiệp hội Điện Bắc Kinh cho biết khủng hoảng thiếu than của Trung Quốc đang xảy ra khi mùa đông sắp tới bởi lượng điện sử dụng thường đạt đỉnh, giá than Châu Á đã lập đỉnh mới và vẫn có dấu hiệu tăng tiếp, cổ phiếu ngành than tăng ở TVD (+8%), THT (+8.6%). Theo Reuters, giá gạo xuất khẩu của Việt Nam tăng trở lại từ mức thấp nhất trong hơn một năm do nhu cầu phục hồi sau khi chính phủ tăng dự trữ, giúp cổ phiếu ngành gạo tăng ở TAR (+1.5%), AGM (+6.9%). Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy Sản (VASEP), xuất khẩu thủy sản tháng 8 đạt 588 triệu USD, giảm gần 28% so với cùng kỳ 2020, khiến cổ phiếu thủy sản giảm ở ANV (-6.8%), MPC (-0.7%). Khối ngoại bán ròng ở VIC (+0.8%), VHM (-0.5%), HPG (-1.4%).

VNIndex & HNXIndex



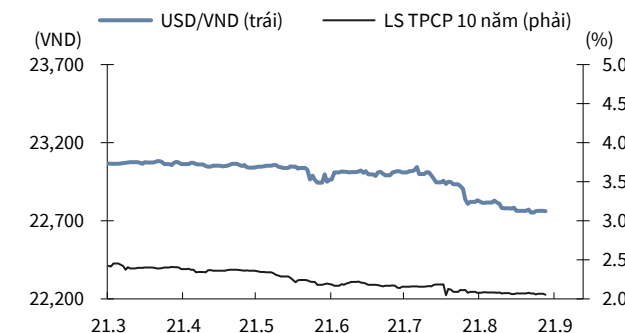
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

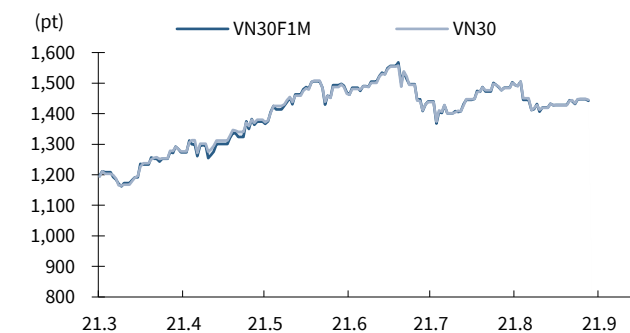
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,444.99 (-0.23%)
VN30F1M	1,442.0 (-0.35%)
Mở cửa	1,445.3
Cao nhất	1,448.8
Thấp nhất	1,437.1

Các HĐTL đồng loạt giảm điểm, tương đồng với diễn biến của chỉ số VN30. Chênh lệch giữa F2109 và thị trường cơ sở mở cửa ở mức -1.23, sau đó tiếp tục biến động với biên độ âm trong suốt phiên giao dịch, đạt mức cao nhất ở -8.2 điểm và đóng cửa ở mức -2.99 điểm. Khối ngoại bán ròng trong phiên với thanh khoản giảm nhẹ.

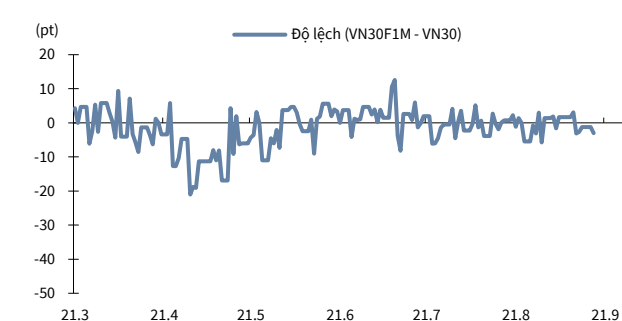
KLGD (HĐ) **137,692 (-10.7%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



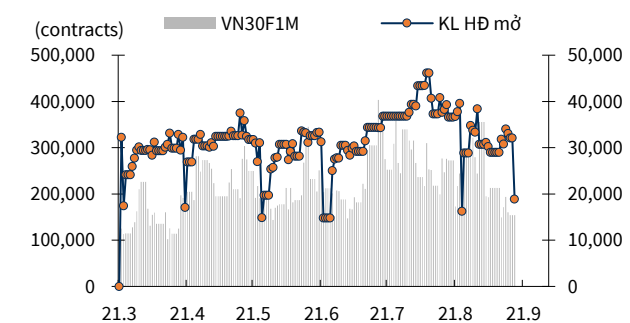
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



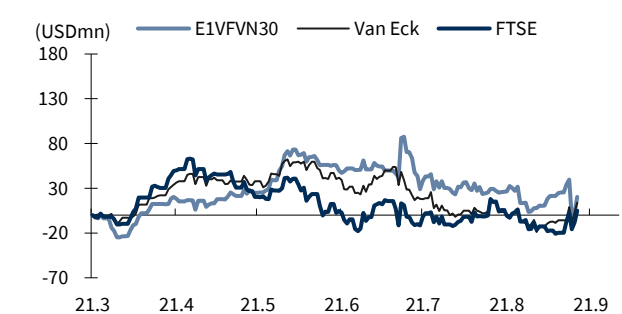
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

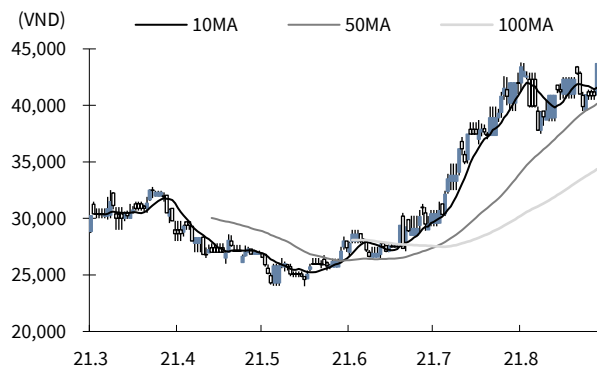
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

FPT Retail (FRT)

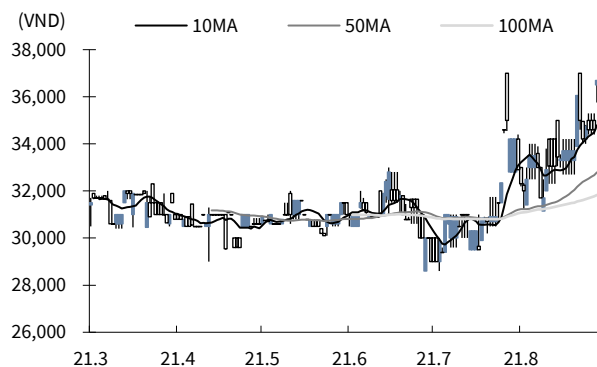


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- FRT tăng 7.0% lên 43,700 VND/cp

- FPT Retail quyết định mua lại 99.9% cổ phần CTCP Hữu Nghị Việt Hàn nhằm xây dựng và mở rộng hệ thống phân phối hàng hóa cho các chuỗi. Theo FPT Retail, Hữu Nghị Việt Hàn có sẵn hệ thống kho bãi và năng lực, kinh nghiệm vận hành.

Cảng Cát Lái (CLL)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

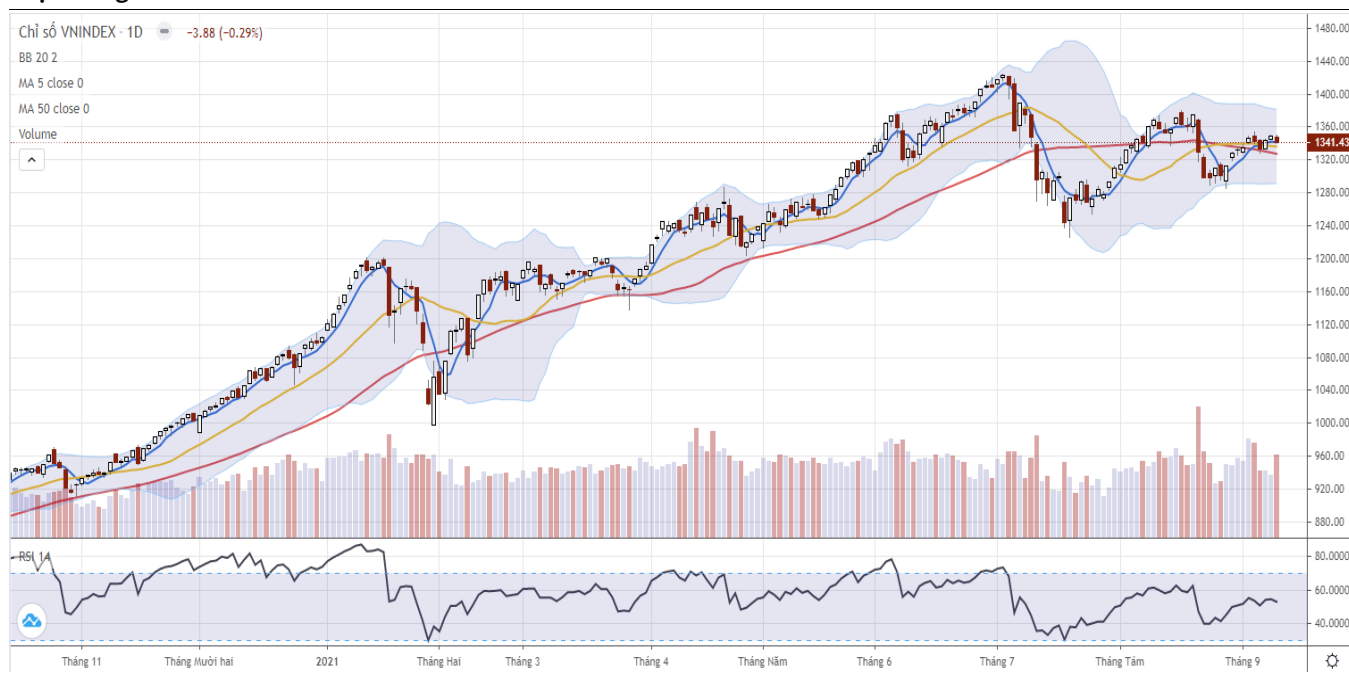
- CLL tăng 6.1% lên 36,700 VND/cp

- Cảng Cát Lái thông báo ngày 1/10 đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông trả cổ tức năm 2020 bằng tiền tỷ lệ 22%, 1 cổ phiếu được nhận 2,000 đồng. Ngày thanh toán 14/10, với 34 triệu cổ phiếu đang lưu hành, doanh nghiệp dự chi 74.8 tỷ đồng để trả cổ tức.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex tăng điểm giằng co đầu phiên trước khi suy yếu và đảo chiều giảm điểm về cuối phiên.
- Vùng kháng cự quanh 1360 (+5) tiếp tục gây sức ép và chúng tôi nhận thấy áp lực phân phối đang có phần gia tăng, để ngỏ khả năng đẩy chỉ số điều chỉnh mạnh hơn, xuống vùng hỗ trợ gần tại quanh 1320 (+5). Mặc dù vậy, nếu quan sát từ góc nhìn rộng hơn, VNIndex về tổng thể vẫn đang vận động đi ngang theo mẫu hình tam giác và chứng nào chưa đánh mất cận dưới của điểm đỡ gần này, cơ hội còn thêm nhịp hồi phục gối đầu vẫn được duy trì.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục duy trì vị thế trung hạn và linh hoạt áp dụng chiến lược trading 2 chiều cho 1 phần nhỏ tỷ trọng, mua khi chỉ số giảm về hỗ trợ - bán khi chỉ số tăng chạm kháng cự.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1463 - 1468

Kháng cự gần: 1446 - 1449

Hỗ trợ gần: 1434 - 1437

Hỗ trợ xa: 1420 - 1425

- Sau nhịp hồi phục bất thành đầu phiên, F1 đảo chiều giảm điểm về cuối phiên trước khi hồi phục và lấy lại một phần điểm số đã mất.
- Vùng kháng cự quanh 1460 tiếp tục gây sức ép và áp lực phân phối đang có phần gia tăng, để ngỏ khả năng đẩy chỉ số điều chỉnh xuống vùng hỗ trợ gần tại quanh 1420. Mặc dù vậy, chừng nào chưa đánh mất cận dưới của điểm đỡ gần này, cơ hội còn thêm nhịp hồi phục gói đầu vẫn được duy trì cho F1.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục giao dịch linh hoạt 2 chiều.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Chốt lời từng phần vị thế LONG đã mở khi chỉ số thử thách vùng kháng cự xa.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

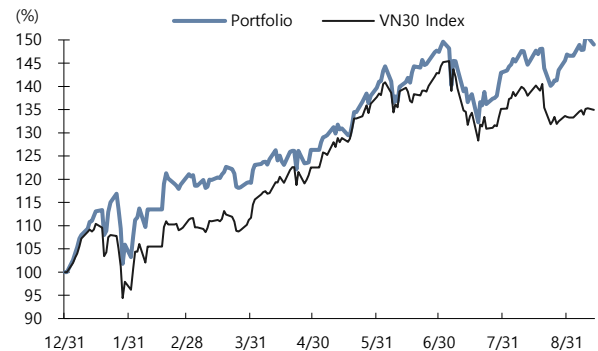
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luân duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.23%	-1.11%
Tăng lũy kế (YTD)	34.95%	48.98%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 13/09/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	125,000	5.1%	61.8%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu nắm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	43,200	-1.8%	76.7%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	92,000	-2.1%	20.0%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	27,900	-1.1%	121.7%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	64,500	-2.1%	89.7%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	93,000	-0.5%	219.5%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	31,850	-1.4%	68.5%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	88,600	0.0%	20.7%	- Huồng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	50,800	-1.4%	250.9%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbanc City Development (KBC)	09/03/2020	40,500	-5.8%	195.6%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Huồng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SAB	6.7%	24.6%	66.9
VND	0.7%	48.5%	59.4
DGC	7.0%	26.3%	43.1
KDH	1.7%	18.9%	37.6
VNM	0.8%	19.8%	37.2
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VIC	0.8%	23.3%	-181.6
VHM	-0.5%	11.0%	-162.3
HPG	-1.4%	54.7%	-78.4
MSN	0.5%	14.7%	-53.4
HCM	-3.4%	17.9%	-40.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
THD	1.5%	23.6%	12.4
PVS	5.5%	15.1%	6.1
SHS	-1.0%	0.6%	4.3
CEO	-2.9%	2.1%	2.5
VCS	1.4%	0.9%	2.2
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
CDN	-2.2%	3.6%	-1.8
PVI	1.8%	0.6%	0.0
SHB	-1.5%	1.1%	-1.0
TTT	-2.0%	8.4%	0.8
TNG	-0.7%	0.6%	-0.6

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
5 ngành diễn biến tích cực nhất		
Bán lẻ	11.6%	MWG, DGW
Du lịch và Giải trí	10.5%	HVN, VJC
Hàng cá nhân & Gia dụng	2.2%	PNJ, RAL
Dịch vụ tài chính	2.0%	SSI, VND
Thực phẩm và đồ uống	1.4%	SAB, BHN
	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất		
Truyền thông	-5.7%	ADG, YEG
Bảo hiểm	-3.0%	BVH, BIC
Xây dựng và Vật Liệu	-2.9%	VGCI, CII
Y tế	-2.7%	DHG, VMD
Hóa chất	-2.4%	GVR, DPM

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
5 ngành diễn biến tích cực nhất		
Du lịch và Giải trí	14.3%	HVN, VJC
Bán lẻ	11.1%	MWG, DGW
Y tế	7.0%	DHG, DBD
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	6.7%	REE, TMS
Tài nguyên Cơ bản	4.1%	HPG, HSG
	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất		
Ngân hàng	-7.0%	TCB, BID
Bất động sản	-4.5%	VHM, VIC
Dầu khí	-3.7%	PLX, PVD
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-2.4%	GAS, PMG
Hàng cá nhân & Gia dụng	-2.0%	TCM, TLG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	233,335 (10.2)	22.5	74.7	57.3	14.7	6.0	8.0	3.9	3.6	0.8	-3.2	-6.7	-4.3
	VHM	VINHOMES JSC	103,200	339,478 (14,753)	1,645,897 (72.2)	26.6	11.4	10.1	35.9	28.3	27.0	3.1	2.4	-0.5	-1.3	-10.8	19.6
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	106,398 (4.7)	17.8	20.6	15.9	-7.6	7.0	9.5	2.0	1.9	-0.4	-0.7	-0.4	-11.1
	NVL	NO VA LAND INVES	60,068	86,712 (3,768)	265,919 (11.7)	31.3	35.5	19.0	6.7	19.4	17.4	4.3	3.4	-0.3	-1.7	-0.5	114.2
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	104,828 (4.6)	11.6	26.4	18.3	18.0	11.4	14.2	2.8	2.5	1.7	0.7	-1.3	54.9
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	142,668 (6.3)	13.9	10.9	8.1	-	16.3	18.5	1.6	1.3	-0.3	-3.6	-3.4	38.4
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	102,000	378,305 (16,441)	129,671 (5.7)	6.3	19.7	14.5	11.7	19.8	20.2	3.2	2.4	-1.1	-1.9	-1.5	0.2
	BID	BANK FOR INVESTM	43,400	174,556 (7,586)	75,047 (3.3)	12.7	16.9	12.0	-5.3	13.2	17.0	1.8	1.7	-1.3	0.1	-8.0	-18.3
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	723,610 (31.7)	0.0	10.2	8.5	14.3	20.5	20.3	1.9	1.5	-0.7	0.0	-6.2	55.4
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	455,102 (20.0)	1.4	11.1	8.4	61.1	18.3	20.5	1.4	1.2	-1.4	-0.6	-7.1	19.0
	VPB	VIETNAM PROSPERI	41,300	101,381 (4,406)	535,648 (23.5)	0.0	10.2	10.6	18.8	23.6	16.8	2.0	1.6	0.3	6.1	1.9	99.4
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	490,940 (21.5)	0.0	8.9	7.4	14.6	22.1	21.7	1.6	1.3	-1.1	-1.4	-5.7	65.3
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	76,774 (3.4)	4.2	9.1	8.0	23.3	21.8	21.6	-	-	-2.7	-4.4	-9.4	32.6
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	481,531 (21.1)	14.0	18.5	13.6	26.5	10.3	12.6	-	-	-1.1	-2.4	-9.4	59.2
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,850	28,732 (1,249)	185,753 (8.2)	0.0	8.6	7.2	37.5	23.2	21.5	1.8	1.4	1.9	9.5	4.7	42.2
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	11,895 (0.5)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	-1.2	2.2	-3.0	32.5
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	58,866 (2.6)	21.0	24.5	22.1	15.8	8.2	8.6	1.9	1.8	-2.5	-3.2	0.4	-17.3
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	29,242 (1.3)	14.2	13.9	14.3	9.1	12.0	12.0	1.5	1.4	-1.2	-2.3	-3.9	31.0
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	890,631 (39.1)	55.4	16.7	15.0	-3.2	17.3	17.7	-	-	-0.5	10.0	11.9	99.4
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	380,781 (16.7)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	-0.6	3.8	11.6	118.6
	HCM	HO CHI MINH CITY	29,200	8,907 (387)	350,239 (15.4)	52.4	-	-	-25.5	-	-	-	-	-3.4	-4.1	0.8	69.7
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	641,840 (28.1)	27.2	11.8	20.1	36.3	-	-	4.0	3.6	0.7	6.9	5.3	188.1
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	275,928 (12.1)	42.1	18.3	17.0	4.0	32.7	33.9	5.6	5.4	0.8	-1.2	-3.0	-19.9
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	37,936 (1.7)	36.9	24.0	20.2	7.3	21.2	21.8	4.4	3.7	6.7	8.2	6.4	-17.2
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	186,104 (8.2)	16.5	46.3	26.3	-51.9	16.0	23.0	8.2	6.3	0.5	-0.4	-2.2	46.9
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	41,300 (1.8)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	1.4	-0.7	-4.6	-51.2
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	135,403 (5.9)	11.0	-	35.9	-88.5	0.4	16.2	-	-	-1.4	1.8	8.5	2.4
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	216,890 (9.5)	10.8	30.3	20.5	-57.0	9.3	13.1	2.6	2.3	2.0	-1.3	6.1	59.5
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	69,453 (3.0)	38.4	23.3	12.5	65.7	4.7	7.5	-	-	-4.6	-9.0	-5.1	-17.3
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	47,493 (2.1)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-0.4	-4.3	-4.3	100.4
	GEX	GELEX GROUP JSC	17,224	10,411 (452)	282,861 (12.4)	37.7	-	-	-13.2	12.1	12.7	-	-	-4.1	-5.8	3.4	36.0
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	35,968 (1.6)	3.6	105.3	27.3	-52.4	0.6	2.3	0.6	0.6	-1.6	-3.2	1.0	-11.6
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	89,091 (3.9)	0.0	11.8	10.2	-4.5	13.7	13.9	1.5	1.4	-2.1	-2.6	15.8	31.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	85,168 (3.7)	46.1	19.4	15.6	-17.5	18.1	20.5	3.4	3.1	0.0	-2.0	-4.7	2.3
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	17,939 (0.8)	31.4	19.3	12.5	-10.5	8.2	13.2	1.6	1.8	-0.2	-2.7	12.6	-13.0
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	12,043 (0.5)	34.1	18.8	11.2	-5.1	7.9	13.9	1.5	1.5	-1.6	-6.9	5.7	-1.0
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	1,381,490 (60.6)	18.0	7.1	6.8	21.9	41.5	30.7	2.4	1.8	-1.4	-0.8	4.4	65.5
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	233,405 (10.2)	36.5	11.6	17.9	-0.5	15.4	9.5	1.6	1.5	1.7	-2.7	2.4	89.4
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	131,095 (5.8)	46.5	18.9	20.1	-4.5	11.7	10.5	-	-	0.6	-1.2	7.0	79.3
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	538,457 (23.6)	38.9	5.2	7.1	67.9	47.9	25.6	2.0	1.5	-2.4	2.2	16.8	117.5
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	126,775 (5.6)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-1.5	-3.6	1.8	22.6
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	57,253 (2.5)	4.6	17.1	15.0	-51.0	16.0	16.1	-	-	-0.4	-1.6	-4.9	-7.9
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	109,757 (4.8)	39.9	215.0	29.5	-11.9	0.2	2.2	0.5	0.5	0.8	-4.7	-5.9	13.3
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	172,887 (7.6)	35.9	10.8	10.1	1.2	14.9	14.8	1.5	1.4	0.8	-2.0	10.7	73.9
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	163,102 (7.2)	0.0	19.1	14.4	13.7	24.5	26.6	4.6	3.5	5.1	12.6	9.6	57.7
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	62,992 (2.8)	0.0	19.5	15.5	2.4	20.2	23.4	3.6	3.1	-2.1	6.4	-2.6	13.6
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	3,684 (0.2)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-1.0	-2.9	-7.0	-66.8
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	102,209 (4.5)	30.3	38.7	23.7	-75.2	7.4	11.1	-	-	7.0	2.0	4.0	36.6
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	42,643 (1.9)	34.6	17.5	9.8	41.2	15.4	27.4	2.2	2.3	-2.1	-0.5	2.8	-12.5
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	6,424 (0.3)	45.4	18.0	16.9	10.7	20.6	20.3	3.4	3.1	1.0	-3.6	8.1	-2.7
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	138 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	0.0	0.0	-5.3	4.6
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	202,318 (8.9)	0.0	21.0	17.8	15.5	23.9	25.2	4.5	4.0	-0.5	-2.0	-2.1	81.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.